

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 135 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 19 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre hết hiệu lực toàn bộ
hoặc một phần trong năm 2017 và tháng 01 năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 33 /TTr-STP ngày 10 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2017 và tháng 01 năm 2018.

(Có Danh mục văn bản quy phạm pháp luật kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác Phía Nam - Bộ Tư pháp;
- TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điện tử (02 bản);
- Phòng NC, TH;
- Lưu: VT.



Cao Văn Trọng

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN TRONG NĂM 2017 VÀ THÁNG 01 NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 135 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 04 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
01	Nghị quyết	22/2007/NQ-HĐND 14/12/2007	Về kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất) trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ Nghị quyết số 22/2007/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất) trên địa bàn tỉnh Bến Tre	15/12/2017
02	Nghị quyết	13/2008/NQ-HĐND 23/7/2008	Về quy định chế độ, chính sách, trang bị, phương tiện cho lực lượng Bảo vệ dân phố	Bị thay thế bởi Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh về quy định chế độ, chính	28/7/2017

				sách cho lực lượng Bảo vệ dân phố	
03	Nghị quyết	26/2012/NQ-HĐND 08/12/2012	Quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Bến Tre	15/12/2017
04	Nghị quyết	04/2013/NQ-HĐND 11/7/2013	Về định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật có nội dung phức tạp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân	Bị thay thế bởi Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến Tre	01/01/2018
05	Nghị quyết	02/2014/NQ-HĐND 10/7/2014	Về việc quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre	15/12/2017

06	Nghị quyết	26/2014/NQ-HĐND 09/12/2014	Về định mức hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2010-2020	Bị thay thế bởi Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh về định mức hỗ trợ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020	28/7/2017
07	Nghị quyết	06/2015/NQ-HĐND 08/7/2015	Về việc quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre	28/7/2017
08	Nghị quyết	03/2016/NQ-HĐND 03/8/2016	Về việc quy định mức chi cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức đoàn thể các cấp trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Về việc quy định nội dung, mức chi cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Bến Tre	15/12/2017
09	Nghị quyết	26/2016/NQ-HĐND 7/12/2016	Về việc ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân	Bị thay thế bởi Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm	01/01/2018

			sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2017-2020	vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018-2020	
Tổng số: 09 văn bản					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành văn bản/ Tên gọi của văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
01	Nghị quyết	47/2002/NQ-HĐND 22/01/2002	Về các tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 6 - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI	<p>Khoản 5 Điều 1: “Về Tờ trình số 40/TTr-UB ngày 09/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phương án sử dụng vốn hoàn trả công trình điện trung thế và trạm biến thế để đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện nông thôn trên địa bàn tỉnh:</p> <p>- Việc giữ lại tiền của dân để đầu tư vào lưới điện trung thế phải theo nguyên tắc là: phần thối thu ở nơi nào, thì đầu tư để cải tạo và nâng cấp lưới điện ở nơi đó và phải bàn</p> <p>Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Về việc bãi bỏ Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 47/2002/NQ-HĐND ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Hội đồng nhân dân tỉnh về các tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 6 - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI</p>	28/7/2017

				<i>bạc để được sự đồng tình của dân”</i>		
02	Nghị quyết	10/2010/NQ-HĐND 17/11/2010	Về việc quy định chế độ tiếp khách trong nước; chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập	Điều 2: <i>Chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị</i>	Bị thay thế bởi Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre	01/01/2018
03	Nghị quyết	22/2010/NQ-HĐND 09/12/2010	Về quy định số lượng, các chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre	- Điểm b Khoản 2 Điều 2: <i>“Trưởng Ban công tác mặt trận ấp: hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số bằng 0,8 mức tiền lương tối thiểu hiện hành”;</i> - Khoản 3 Điều 2: <i>“Dân quân thường trực Xã đội (2 người/ngày và đêm); công an viên trực Công an xã (2 người/ngày và đêm) hưởng chế độ tiền ăn 0,08 mức tiền lương tối thiểu hiện hành cho mỗi người thực hiện trực trên ngày đêm”;</i> - Điểm b Khoản 4 Điều 2: <i>“Dân quân thường trực (2 người/ngày và đêm); công an viên (2 người/ngày và</i>	Bị sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị	01/01/2018

				đêm): được hưởng chế độ theo thực tế làm nhiệm vụ".	trần; áp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre	
04	Nghị quyết	14/2012/NQ-HĐND 10/7/2012	Về một số loại phí, lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre	<p>Khoản 1, 2, 3 Điều 1: "1. Mức thu phí qua phà Mỹ An (Phụ lục số 01 ban hành kèm theo): Mức phí này là mức thu tối đa, căn cứ vào từng thời điểm, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu cụ thể cho phù hợp.</p> <p>2. Mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất (Phụ lục số 02 ban hành kèm theo).</p> <p>3. Phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản: a) Mức thu phí đấu giá tài sản và tham gia đấu giá tài sản (Phụ lục số 03 ban hành kèm theo); b) Quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản. Việc quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản</p>	<p>- Khoản 1 Điều 1: Mức thu phí qua phà Mỹ An. Hết hiệu lực, vì theo quy định của Luật phí và lệ phí, phí qua phà được chuyển thành giá dịch vụ sử dụng đò, phà Hiện nay được điều chỉnh bằng Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt, sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Bến Tre.</p> <p>- Khoản 2, 3 Điều 1: Mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê; Phí đấu giá tài sản,</p>	<p>- Khoản 1 Điều 1: 01/01/2017</p> <p>- Khoản 2, 3 Điều 1: 01/7/2017 (Theo quy định tại Khoản 4 Điều 80 Luật đấu giá tài sản năm 2016)</p>

			<p>được thực hiện như sau:</p> <p>- Hội đồng bán đấu giá tài sản được sử dụng số tiền phí thu được của người tham gia đấu giá để trang trải các chi phí cho Hội đồng đấu giá tài sản, nếu thừa nộp vào ngân sách nhà nước.</p> <p>- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản thu được như sau:</p> <p>+ Trường hợp Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá đã được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho việc bán đấu giá thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>+ Trường hợp Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá chưa được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho việc tổ chức bán đấu giá thì được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải cho việc bán đấu giá và</p>	<p>phí tham gia đấu giá tài sản</p> <p>Hết hiệu lực, vì theo quy định của Luật phí và lệ phí không quy định thu các loại phí này. Hiện nay, được thực hiện theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại luật đấu giá tài sản.</p>	
--	--	--	---	---	--

				<p><i>thu phí theo quy định của pháp luật; phần tiền phí 10% còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.</i></p> <p><i>- Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản”</i></p>		
05	Nghị quyết	24/2012/NQ-HĐND 8/12/2012	<p>Về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao, chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao</p>	<p>Điều 1: “<i>Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao</i>”.</p>	<p>Bị sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh</p>	28/7/2017

					dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao; chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao	
Tổng số: 05 văn bản						



CHỦ TỊCH

Cao Văn Trọng

DANH MỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN TRONG NĂM 2017 VÀ THÁNG 01 NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 135 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
01	Chỉ thị	20/CT-UB 05/10/1996	Về việc thanh tra, kiểm tra hành nghề Y, Dược tư nhân	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực y tế do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành	24/3/2017
02	Chỉ thị	02/CT-UB 13/02/1999	Về việc triển khai thực hiện Điều lệ bảo hiểm y tế mới được ban hành kèm theo Nghị định 58/1998/NĐ-CP ngày 13/8/1998	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực y tế do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành	24/3/2017

03	Quyết định	2530/2004/QĐ-UB 29/6/2004	Về cấp phép thăm dò, khai thác nước ngầm, nước mặt và hành nghề khoan nước ngầm	Bị thay thế bởi Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre	17/11/2017
04	Chi thị	19/2004/CT-UB 16/12/2004	Về việc tăng cường các biện pháp thực hiện công tác dân số trong tình hình mới	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực y tế do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành	24/3/2017
05	Quyết định	2832/2005/QĐ-UBND 24/8/2005	Về ban hành Quy định quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre	16/01/2017
06	Chi thị	28/2005/CT-UBND 29/11/2005	Về việc thực hiện các biện pháp khẩn cấp phòng, chống dịch cúm A H5N1 trên người	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực y tế do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành	24/3/2017
07	Chi thị	06/2007/CT-UBND 24/4/2007	Về việc triển khai thực hiện Chi thị số 03/2007/CT-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công bố văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Chi thị số 06/2007/CT-UBND ngày 24/4/2007 của UBND tỉnh Bến Tre về việc triển khai thực hiện Chi thị số 03/2007/CT-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công bố văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	10/01/2018

08	Chỉ thị	13/2008/CT-UBND 22/9/2008	Về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực y tế do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành	24/3/2017
09	Quyết định	09/2011/QĐ-UBND 10/5/2011	Về việc quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức trực thuộc Sở Tư pháp; Trưởng Phòng, Phó Trưởng Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	05/12/2017
10	Quyết định	27/2011/QĐ-UBND 29/9/2011	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và cho thuê nhà ở công vụ tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Bến Tre	20/3/2017
11	Quyết định	32/2011/QĐ-UBND 11/11/2011	Về việc quy định chính sách ưu đãi đầu tư hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh quy định chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre	01/8/2017
12	Quyết định	04/2012/QĐ-UBND 01/02/2012	Ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức tỉnh Bến Tre	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2017 ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức và viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre	22/02/2017

13	Chỉ thị	02/2012/CT-UBND 30/7/2012	Về việc tiêm phòng bắt buộc đối với gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh quy định về các bệnh động vật trên cạn phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc-xin trên địa bàn tỉnh Bến Tre	01/01/2018
14	Quyết định	14/2012/QĐ-UBND 31/5/2012	Về việc ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre	03/4/2017
15	Quyết định	24/2012/QĐ-UBND 31/8/2012	Về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Bến Tre về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Bến Tre	19/5/2017
16	Quyết định	25/2012/QĐ-UBND 31/8/2012	Về việc Quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn Cấp thoát nước Mỏ Cà, huyện Mỏ Cà Nam, tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch của Công ty trách nhiệm hữu hạn Cấp thoát nước Mỏ Cà huyện Mỏ Cà Nam, tỉnh Bến Tre	27/01/2017
17	Quyết định	26/2012/QĐ-UBND 31/8/2012	Về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phước Vĩnh Lộc, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phước Vĩnh Lộc, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	22/7/2017
18	Quyết định	02/2013/QĐ-UBND 22/01/2013	Ban hành Quy định quy trình đầu tư và chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng mới các chợ trên	Bị thay thế bởi Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định quy trình đầu tư và chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng	10/4/2017

			địa bàn tỉnh Bến Tre	mới các chợ trên địa bàn tỉnh Bến Tre	
19	Quyết định	04/2013/QĐ-UBND 18/02/2013	Về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Doanh nghiệp tư nhân Tân An, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch của Doanh nghiệp tư nhân Tân An, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	08/5/2017
20	Quyết định	25/2013/QĐ-UBND 09/8/2013	Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và quản lý viên chức tỉnh Bến Tre	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2017 ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức và viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre	22/02/2017
21	Quyết định	27/2013/QĐ-UBND 15/8/2013	Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ cây giống, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2017 Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre	15/10/2017
22	Quyết định	44/2013/QĐ-UBND 23/12/2013	Ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý việc xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre	01/7/2017
23	Quyết định	12/2014/QĐ-UBND 24/5/2014	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh Bến Tre	21/9/2017

24	Quyết định	17/2014/QĐ-UBND 3/7/2014	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký liên hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre	10/10/2017
25	Quyết định	33/2014/QĐ-UBND 19/12/2014	Về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre	17/11/2017
26	Quyết định	40/2014/QĐ-UBND 31/12/2014	Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre	28/7/2017
27	Quyết định	01/2015/QĐ-UBND 19/01/2015	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ cây giống, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2017 Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre	15/10/2017

28	Quyết định	05/2015/QĐ-UBND 2/02/2015	Ban hành Quy định về giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre	18/9/2017
29	Quyết định	10/2015/QĐ-UBND 15/5/2015	Về việc quy định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh về việc quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Bến Tre	01/11/2017
30	Quyết định	18/2015/QĐ-UBND 11/8/2015	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre	01/4/2017
31	Quyết định	39/2015/QĐ-UBND 31/12/2015	Ban hành bộ đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và lập hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh về việc ban hành giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre	16/01/2017
32	Quyết định	11/2016/QĐ-UBND 25/02/2016	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2016	Bị thay thế bởi Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2017	03/02/2017

33	Quyết định	27/2016/QĐ-UBND 06/6/2016	Ban hành Quy chế phối hợp trong việc xác định nghĩa vụ tài chính khi thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, cho thuê mặt nước, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký biến động đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre	24/7/2017
34	Quyết định	61/2016/QĐ-UBND 13/12/2016	Về việc quy định giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2017 và nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất những năm trước trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Bị thay thế bởi Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về việc quy định giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2018 và nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất những năm trước trên địa bàn tỉnh Bến Tre	01/01/2018
Tổng số: 34 văn bản					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành văn bản/ Tên gọi của văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực	
01	Quyết định	35/2014/QĐ-UBND	Ban hành Quy định Bảng giá các loại đất	- Điều 2: "Đối với các thửa đất thuộc phạm vi hành lang an	Bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số	15/3/2017

		19/12/2014	trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015-2019	<p><i>toàn giao thông đường bộ được xác định bởi mốc lộ giới, chỉ giới xây dựng nếu có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất và đất thuộc sở hữu Nhà nước cho thuê thì diện tích đất được tính từ mép đường vào theo các vị trí tương ứng với các loại đất đó. Riêng đối với đất thuộc sở hữu Nhà nước được phép giao đất có thu tiền thì diện tích đất được tính từ mốc lộ giới”;</i></p> <p>- Khoản 9 Điều 3: “Đất có mặt nước ven biển là đất mặt biển ngoài đường mép nước, không thuộc địa giới hành chính của tỉnh, đang được sử dụng; bao gồm đất mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản, đất mặt nước ven biển có rừng, đất mặt nước ven biển có mục đích khác. Trong trường hợp phải xác định vị trí của loại đất này thì được xác định như đất nuôi trồng thủy sản”;</p> <p>- Tiêu đề Điều 6, Khoản 6 Điều 6: “Điều 6. Xác định giá loại đất ở theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện thuộc khu vực các xã của huyện</p> <p>6. Mức giá các vị trí trên không được thấp hơn giá đất ở của</p>	08/2017/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2015-2019 ban hành kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	
--	--	------------	---	--	--	--

				<p>vùng nông thôn;</p> <p>- Khoản 4 Điều 10: “chợ Giồng Bông - Tân Thủy; chợ Bến Tranh; chợ Cái Mít” ;</p> <p>- Điều 20. Vị trí để tính giá đất nuôi trồng thủy sản;</p> <p>- Điều 22. Vị trí để tính giá đất làm muối;</p> <p>- Điều 26. Đất bằng chưa sử dụng.</p>	
02	Quyết định	22/2015/QĐ-UBND 16/9/2015	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre	<p>- Khoản 1 Điều 1: “Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải ở cơ sở; xây dựng xã, phường, thị trấn tiếp cận pháp luật; hộ tịch; quốc tịch; chứng thực; nuôi con nuôi; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại;</p>	<p>Bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre</p>

				<p>quản tài viên doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thanh tra chuyên ngành Tư pháp và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật”;</p> <p>- Khoản 8 Điều 2: “Về kiểm soát thủ tục hành chính:</p> <p>a) Hướng dẫn, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính; tổ chức thực hiện việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Cho ý kiến, thẩm định về thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>c) Đôn đốc các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc thống kê các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi,</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ; kiểm soát chất lượng và nhập dữ liệu thủ tục hành chính, văn bản liên quan đã được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; tạo đường kết nối giữa trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;</p> <p>d) Tổ chức tiếp nhận, nghiên cứu và đề xuất việc phân công xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; theo dõi, đôn đốc việc xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác có liên quan;</p> <p>đ) Tổ chức nghiên cứu, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các sáng kiến cải cách thủ tục hành chính và quy định có liên quan; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện sau khi được Chủ tịch</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;</p> <p>e) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã;</p> <p>g) Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thiết lập hệ thống công chức đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo chế độ kiêm nhiệm tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và đơn vị liên quan ở địa phương;</p> <p>h) Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp”;</p> <p>- Điểm b Khoản 1 Điều 3: “Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ:</p> <p>Sở Tư pháp có Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật. - Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành 	
--	--	--	--	--	--

				<p>pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính. - Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật. - Phòng Hành chính tư pháp. - Phòng Hỗ trợ tư pháp”. 	
03	Quyết định	14/2016/QĐ-UBND. 25/4/2016	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	<p>Khoản 1 Điều 1: “Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (gọi tắt là Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về: Chương trình, kế hoạch công tác; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đầu mối Cổng Thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý công báo và phục vụ các hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm cả các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý văn thư - lưu trữ và</p>	<p>Bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre</p>

03/11/2017

				<i>công tác quản trị nội bộ của Văn phòng</i> .		
04	Quyết định	44/2016/QĐ-UBND 14/9/2016	Về việc quy định kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ đối với người sau cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre	<p>- Khoản 1 Điều 2: “Tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày”;</p> <p>- Khoản 2, Khoản 3 Điều 3: “2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: 1.200.000 đồng/học viên/năm.</p> <p>3. Tiền ăn: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP: 30.000 đồng/học viên/ngày. Ngày lễ theo Luật Lao động, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường”;</p> <p>- Điểm a Khoản 1 Điều 4: “Tiền ăn: 900.000 đồng/người/tháng”;</p>	<p>Bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ đối với</p>	13/3/2017

				<p>- Điểm a, d Khoản 1 Điều 6: <i>"a) Tiền ăn: 900.000 đồng/người/tháng. d) Chi phí mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 1.200.000 đồng/người/năm"</i>;</p> <p>- Điểm a Khoản 2 Điều 6: <i>"Tiền ăn: 900.000 đồng/người/tháng"</i>.</p>	<p>người sau cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre</p>	
05	Quyết định	67/2016/QĐ-UBND 30/12/2016	<p>Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre</p>	<p>Khoản 1 Điều 1: <i>"Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có chức năng tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện về: Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; trực tiếp quản lý và chỉ đạo hoạt động của Bộ</i></p>	<p>Bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre</p>	03/11/2017

			<p>phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp huyện; tiếp công dân và hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức”</p>	
<p>Tổng số: 05 văn bản</p>				



Cao Văn Trọng